





# NGÀY GIỖ CỤ

# PHAN -THANH- GIẢN

Ngày mùng 5 tháng 7 theo âm-lịch, năm nay nhằm 5 Aout, là ngày giỗ-cụ Hiệp-Biện Đại học-sĩ, Kinh-Lược Đại-thần PHAN-THANH-GIẢN.

Xem tiêu-sử của cụ Phan, được biết thái độ và tâm-chí cụ ít-nhiều, nên thuở nay chúng tôi thành tâm tôn kính cụ, chúng tôi xem cụ là một tấm gương chói loà rực rỡ của đời làm người, một đóa hoa đẹp để thơm tho cửa giới văn học và một cây nêu cao vợi thẳng ngay của hàng sĩ-hoạn. Cụ có sáng kiến đầu tiên về sự Pháp-Nam hiệp tác trên đường tấn hóa.

Mà chẳng những chúng tôi, là hạng phàm phu, bái phục cụ Phan, nhiều đấng cao quý thông minh cũng tôn kính cụ nữa.

Năm Tự-Đức thứ 5 (1832) cụ Phan ngồi chức Nam-kỳ Kinh-Lược Phó-sứ, đức Dực-tôn Anh Hoàng đế xét tánh tình tại đức cụ, khen cụ làm quau thanh liêm, công bình, siêng-năng, giỏi-giản, nên ban thưởng cụ một tấm Đại kim khánh có khắc 4 chữ: « Liêm, bình, cần, cần ». Bấy vậy, mỗi khi đức Tự-Đức ban luận văn chương với đình-thần, ngài thường khen văn cụ Phan là văn dễ nhớ, các danh thần đời sau không ai hơn cụ được.

Năm Tự-Đức thứ 19 (1866), lúc cụ ở Kinh mới vào tới Saigon để nhậm chức Kinh-Lược Đại-thần trấn ba tỉnh Vinhlong, Angiang và Hatiên, thì tờ báo Pháp «*Courrier de Saigon*», ngày 5 Février 1866 có đăng một bài mà ca tụng tài đức và trí ý cụ. Bài ấy chúng tôi có trích in đăng ở trương sau để công hiến cho bạn đọc thưởng thức.

Cụ Luro, nguyên Giám-đốc Chánh-trị sự vụ, một đấng thông minh hành chính tại Nam-kỳ lúc mới thuộc Pháp, ngài viết một quyển sách để dạy quan Pháp học, ngài có khen ngợi cụ Phan như vậy: «*Quan Kinh-Lược Phan thanh-Giản đến phút cuối cần, mà tâm trí vẫn còn bình thản sáng suốt như thường. Ngài từ trần trong một cái nhà bóng nhỡ, lợp lá, của ngài cất mà ở trong lúc hành chính tại Vinhlong. Ngài treo một tấm gương thanh liêm khiết cho các quan lớn nhỏ.*»

Trong tập «*Les Miscellanées*» số 5, xuất bản tháng Septembre 1889, cụ Trương-vinh-kỳ viết một bài về cụ Phan, có mấy câu như vậy: «*Phan Lương-Khê thờ vua tận trung và thương nước đảo điên; ngài tận tụy với quê-hương đến nỗi quên ăn quên ngủ.*»

Cụ Georges Taboulet, Đốc-học-chánh Nam-kỳ, để tựa cho quyển sách «*Phan-thanh-Giản et sa famille d'après les documents annamites*» của ông P. Dandin xuất bản năm 1941, cụ cũng viết như vậy: «*Ái quốc nhiệt thành và bình vực sốt sắng các quyền lợi của vua và của nước. Phan-thanh-Giản ở trong hàng trí-thức và sĩ-hoạn Việt-Nam, ngài hiểu trước mọi người về căn-cốt của quê-hương, là phải thấu dụng tư tưởng cùng pháp-pháp của những người ở bên ngoài đem sang, để kéo nước Việt-Nam ra khỏi giấc say mê ngàn thuở. Vì nghĩa đến nỗi phải quên sanh với sự hiệp-tác chứa-chắp hi-vọng, Phan Thanh Giản đáng kể là người khởi xướng thời đại mới, là người mở đường tấn hóa cho cựu Việt-Nam.*»

Cụ Phan từ xưa đến nay đã được lời tán tụng như vậy, thiết đáng cho chúng ta sáng bài, đáng cho chúng ta noi gương. Đáng lắm, Bỡi vậy, nghe nói nhiều nhà trí-thức ở Vinhlong đương tình cất đèn cho xứng đáng mà thờ cụ tại Long-hồ, là nơi cụ từ tiết, mà cũng là chỗ cụ được phong Thần. Lại nhiều nhà thân hào ở Batri cũng đương bàn về sự cất mộ ngôi miếu hên mộ cụ ở Bảo-thanh, để có chỗ cúng tế cụ.

Chúng tôi rất sốt sắng tán thành những nghĩa cử ấy, sốt sắng luôn luôn. Riêng phần chúng tôi, thì đến ngày làm lễ khánh-thành đền hoặc miếu cho cụ Phan, chúng tôi sẽ cho in số báo đặc biệt xứng đáng, để truy-niệm tấm gương liêm-khiết và khí phách quân-tử của cụ Việt. Chúng tôi mong ngày ấy sẽ đến mau.

Hôm nay là ngày giỗ. Vì thâm tâm ngậm ngùi, nên chúng tôi đăng trong số báo này tiêu-sử của cụ Phan với ít bài về đời cụ, gọi là vén một góc mắt cho anh em liêm khiết quân-tử rọi một vài tia sáng để cho đồng bào thấy đường thẳng ngay trong rạch mà bước tới vậy thôi.

NAM-KỶ TUÂN-BẢO

## NGƯỜI PHÁP BÌNH - PHẠM

# CỤ PHAN-THANH-GIẢN

Lúc cụ ở Kinh-dô vào Vinh-long nhậm chức  
● Kinh - lược - sứ ●

(Extrait du journal «*Courrier de Saigon*» n° 3 du 5 Février 1866).

Le voyage de Phan-thanh-Giản qui se rendait à Vinhlong, est passé presque inaperçu.

Autrefois, l'attention publique aurait commenté avec empressement toutes ces nouvelles, mais aujourd'hui elle rencontre des aliments d'un intérêt plus immédiat.

Ceux qui ont connu autrefois Phan-thanh-Giản devenu aujourd'hui, dit-on, le Ministre le plus influent de la Cour de Hué, ont retrouvé, avec une satisfaction réelle, cet homme distingué, toujours aussi remarquable, aussi intelligent que lors de ses premières relations avec les Européens. Quatre années se sont écoulées depuis, et ce vieillard qui était déjà plus que septuagénaire, est toujours aussi vigoureux d'esprit et de corps. Ses nombreux voyages, les fatigues de toutes espèces qu'il a affrontées pour son pays, le poids des travaux administratifs, dont il a été chargé à son retour dans la capitale, n'ont point altéré cette vigoureuse constitution, tant au physique qu'au moral.

Ce vieux mandarin, doux, instruit et tolérant, que rien n'étonne et qui cherche à s'instruire encore dans un âge avancé, reproduisant ainsi, sans le savoir, le grand exemple donné par le philosophe de la Rome païenne, est bien le type de l'homme supérieur de tous les pays, sachant s'élever, par son travail et sa volonté, au-dessus de sa race et de ses contemporains.

Aussi a-t-il conquis la sympathie de tous ceux qui ont pu le connaître; les personnes qui ont su l'apprécier, ont dû compatir du fond du cœur à cette lutte sourde et ardente, à ce drame de tous les jours, que l'on entrevoit derrière sa grande et honorable existence.

Quel travail, que d'efforts et de persévé-

(Trich lục báo «*Courrier de Saigon*» số 3 ngày 5 Février 1866).

Cụ Phan-thanh-Giản xuống Vinhlong phó nhậm, cụ đã đi qua, mà không ai chú ý lắm.

Hồi trước dư luận có lẽ xôn xao bình luận những tin tức như vậy. Hôm nay người ta lặng lẽ là vì sẵn có thứ ăn cần thiết hơn.

Những người trước kia đã biết cụ Phan-thanh-Giản, hiện nay — theo lời người ta nói — là một vị Thượng-thor có thân thể lớn nhứt tại Triều Huế, những người ấy lấy làm hài lòng mà được gặp lại cụ, là một nhơn vật thanh nhã, bao giờ cũng đứng đắn, cũng thông minh, như lúc mới bắt đầu giao thiệp với người Âu-châu. Từ ấy đến nay đã 4 năm rồi, mà cụ già này, tuổi đã quá thất tuần, nhưng vẫn còn tráng kiện tinh thần cũng như thân thể. Đã phải xuất dương mấy độ, đã phải chịu mệt nhọc đủ thứ mà đến nay nước, đã phải gánh vác công vụ nặng nề khi trở về Kinh, nhưng mà sức tráng kiện này không bao giờ suy giảm, về phương diện hình thể cũng như phương diện tinh thần.

Vị lão Đại-thần này hiền lương, bác học, khoan hòa, không ngạc nhiên về sự gì hết, lại tuổi cao mà vẫn kiếm học thêm hoài; đó là một tấm gương lớn của đạo quân-tử ngoài tôn-giáo của thành Rome, đó là một kiểu mẫu trong đám thượng lưu nhơn vật của các nước, chỉ nhờ công phu, nhờ tâm chí mà vượt lên cao hơn cả tộc loại mình, cao hơn bạn đồng thời của mình.

Vì vậy mà cụ được lòng yêu mến của mọi người đã được biết cụ; những ai thấu hiểu tâm chí cụ thì cũng đều cảm động đến thâm tâm về sự cạnh tranh ăn-ăn mà kịch liệt, về cái thâm kịch diễn hằng ngày, mà người ta dòm thấy nơi bề trái của đời vĩ đại và vinh diệu của cụ. Đứng tài ba mà thiên hạ không hiểu thấu



### Thơ của vua Tự-Đức ban cho cụ Phan-thanh-Giản

I.— Khi cụ Phan-thanh-Giản và cụ Nguyễn tri-Phượng phụng mạng vào trấn Nam-kỳ (1851) Đức Tự-Đức có làm một bài thi ngũ ngôn ban cho, để tiễn hành.

Nàng-Nại (1) long hưng địa  
Tùng-lai đức trạch tham.  
Mao nghê giải ngã từ  
Bảo chương lại khanh tâm.  
Huyền thâu cầm nan lý.  
Càng bàn điệp tự tham.  
Cam đường ưng bát bát  
Trường sử hậu nhơn ngam.

#### DỊCH

Đông-Nai là đất long hưng  
Xưa nay đức trạch đượm nhuần sâu xa.  
Già trẻ đều con của ta.  
Giữ gìn ếm thắm nhờ má lòng ngươì.  
Rắn dầy đơn khây khó tươi  
Gốc sâu, lá mới tốt tươi um tùm.  
Cam đường phơi phơi bóng râm,  
Khiến người sau có tiếng ngấm lấm dài.

II.— Khi cụ Phan phụng mạng tiếp rước quan Toàn-quyền Aubaret (1864) Đức Tự-Đức có làm bài thi ngũ ngôn Cổ-phong ban cho cụ :

Cổ nhơn kiên trọng phự.  
Lợi, độ cụ liền tất.  
Duy di thành khốn phu.  
Quy thần tự khả chất.

(1) Cụ Trịnh Hoài Đức có nói: người Huế kiêu, Quảng đông, gọi họ thah là Kông nại, tức ở tiếng « Đông-Nai » mà họ nói trại ra. (Cáo-Trại thi tập).

Bạo Hổ do độ hà.  
Cuồn ngoạ diệp tỳ thất.  
Thần phù dĩ hữu tri.  
Hà hoạn hồ cường phạt.  
Giả danh nhơn sở hiểu.  
Chỉ ý nhơn sở khuất.  
Thiện ngôn nhơn sở phục.  
Nghĩa kh. nhơn sở truat.  
Toiết thạch chung bất di.  
Khê hác yên năng dật.  
An nguy tại thử sử.  
Kháng tích kinh uân thuật  
Vô ngôn dĩ mặc hội  
Niên lai cứu thân mật.

#### DỊCH

Người xưa gánh nặng vai mang.  
Có đâu biết trước dục dàng rũi may.  
Tin thành chân ấy òng ngay.  
Quy thần, mịch khả hồi ngay được liền.  
Lợi sống hùm dữ phải kiên,  
Đời nhà, sáu đại bằng miền lánh xa.  
Hưởng chỉ kia có biết mà,  
Lo gì việc mạnh, trái má chẳng zong.  
Tiếng hay người muốn tự òng,  
Lẽ ngay, người phải khuất lòng chẳng sai.  
Nói lãnh người phục theo hoài  
Tâm lòng nghĩa khí, người ai chẳng dè.  
Bề như sắt đá trọn bề.  
Những là kẻ rảnh òng khe sao đầy.  
An nguy hệ ở lúc này  
Kinh luân đừng tể chước hay làm gì.  
Không lời mà đủ lòng qui.  
Lâu nay thân mật trọn nghì với nhau.

THƯỢNG-TÂN-THỊ phụng dịch

rance il a fallu à ce génie incompris qui a devancé les idées de ses compatriotes, pour conculer leurs haïnes et combattre leurs préjugés, pour retenir sa nation sur le bord de l'abîme.

Peut-être réussira-t-il à initier lentement ce peuple aux lois du progrès et de la civilisation. Peut-être succombera-t-il à sa tâche.

Mais quel que puisse être le résultat de son entreprise, on peut le regarder non seulement comme un négociateur habile qui a su ménager adroitement les intérêts de l'empire annamite vis-à-vis de la France, mais encore comme un homme qui veut le bien et qui a travaillé généreusement, sans arrière-pensée, à une oeuvre de régénération et de salut. Ce sera son plus beau titre à la reconnaissance publique.

nổi lòng này và đã có chí tận tiến trước các bạn đồng bang, buộc phải xông pha biết bao lao khổ, biết bao cố gắng, biết bao kiên nhẫn, để giải nỗi thù hằn cho họ, để đánh đổ thành kiến của họ và để nung đỡ quốc gia đương nằm cheo leo trên miệng hố. Có lẽ cụ sẽ thành công trong sự dấn thân dân tộc này vào lối tân hóa văn minh, mà cũng có lẽ cụ sẽ thất bại trong nhiệm vụ của cụ.

Mà dầu sở hành của cụ được kết quả thế nào đi nữa, người ta cũng phải xem cụ chẳng những là một nhà ngoại giao đại tài, biết bao chữa một cách khéo khôn các quyền lợi của đế quốc Việt Nam đối với Đại Pháp, mà lại là một người muốn làm việc phải, đã thành-thiệt tận tâm lo cho công cuộc phục hưng và giải thoát. Công cán tốt đẹp này đáng cho cả thảy mọi người đều cảm ơn.



SÚC TÍCH.— Cụ Phan-thanh-Giản, tự Tịnh-Bá, lại còn một tự nữa là Đạm-Như, hiệu Lương-Khê, biệt hiệu Mai-Xuyến, sanh ngày 12 tháng 10 năm Bình-thin (1796), tại Tân-Thanh thôn, huyện Vĩnh-bình, châu Định-viên, trấn Vĩnh-đánh, sau dời ra làng Bảo-Thanh, tổng Bảo-Trị, huyện Bảo-An, phủ Hoảng-Đạo, tỉnh Vĩnh-long, nay dời lại là làng Bảo-Thanh, quận Ba-trị, tỉnh Bểtre.

Tổ-tiên của cụ là người Tàu, cuối đời nhà Minh sang qua nước Nam cư ngụ (trở g tỉnh Bình-Định, làng Hội-Trung, tổng Trung - An, huyện Bồng-Son, phủ Hoài-Nhơn. Đến lúc Bình-Định hồi loạn Tây-sơn, mới đem hết gia quyến vào Nam, ban đầu ở Thang-Trông (Định-Tuong) rồi dời xuống Mân-Thất (Vĩnh-long), sau mới qua Tân-Thanh thôn lập căn cứ lâu dài.

Phụ thân cụ tên Xan, tự Văn-Ngạn, sanh năm Mậu-ý (1763) từ trần năm Nhâm-dân (1822). Còn mẫu thân cụ tên Lâm-thị-Búp, sanh năm Bình-thảo (1776), từ trần năm Nhâm-tuất (1802).

Lúc nhỏ cụ Phan có tiếng học giỏi. Cụ thi đậu-Cử-nhơn khoa Ấ-dậu (1825) năm năm Minh-Mạng thứ 6, qua năm sau thi hội, đậu đầu tam giáp đồng tân-sĩ. Cụ là vị Tân-sĩ đầu tiên gốc ở Đông-Nai.

GIA-ĐÌNH.— Nguơn phối của cụ Phan là bà Nguyễn-thị-Mỹ, gốc ở làng Mỹ-Lộc, huyện Phước-lộc (Giadinh), có sanh được một người gái không biết tên. Bà Nguyễn mất sớm, cụ bèn cưới bà Lê, người ở Long-hồ (Vĩnh-long). Bà này không con.

Đến năm Minh-Mạng thứ 9 (1828), cụ Phan nhậm chức Tham-Hiệp Quảng-Binh, đi ngang qua làng Đon Duệ, huyện Minh-Linh, tỉnh Quảng-Trị, thấy phong cảnh đẹp cụ lưu luyến, lại nghe quan Huấn-đạo Nguyễn xuân Đức ở đây ca tụng bà Trần thị Hoạch, gái hiền đức, sự thân và lý gia đều có tiếng lành, cụ Phan mới tương lễ xin cưới.

Theo tờ « Hành trạng thuật » của các con viết năm Tự-Đức thứ 15 (1862) để xưng hiền đức của mẹ, mà ông Pierre Dardin đã in vào quyển sách « Phan Thanh-Giản 1796-1867 et sa famille d'après quelques documents annamites », thì cụ Phan phối biệp cùng bà Trần thị Hoạch có sanh được 6 người con trai, song 3 người đã mất sớm; lúc bà Hoạch từ trần chỉ còn có 3 người tên là : Hương, Tông và Tuyên. Còn theo « Đại Nam chính biên liệt truyện », thì cụ Phan chỉ có 2 người con, mà con lớn, là Thanh-Liêm, làm quan đ n chức Thượng-tư và con thứ, là Thanh-Tôn, làm quan đến chức Hồng-lô tự Th ếu khanh.

Bà Trần thị Hoạch sanh năm Đinh-tý (1797), thất lộc ngày mùng 7 tháng 3 năm Nhâm-tuất (1862), sau khi bay tin thán Vĩnh-long thất thủ lần thứ nhất. Lúc ấy cậu Hương mắc theo hầu cụ Phan ở ngoài Kinh; cậu Tông với cậu Tuyên lo táng mẹ tại làng Bảo-Phan.

Đến năm Tự-Đức nhị thập niên (1867), thành Vĩnh-long thất thủ lần thứ nhì, cụ Phan vì quân vương thủy thổ mà phải nung chén chánh khí, cụ từ tiết ngày mùng 5 tháng 7, hưởng thọ 71 tuổi, cũng được đem về tang tại Bảo-Thanh.

HOẠN-LỘ.— Hoạn lộ của cụ Phan Lương-Khê chứa đầy chông gai, làm cho đời cụ phủ trần không ngọt.

Năm Minh-Mạng thứ 7 (1826) cụ thi đậu Tân-sĩ rồi, liền được sung chức Hàn lâm viện Biên-tư, kế thăng Hình bộ Lang-trung, rồi ra làm Tham-Hiệp Quảng-Binh.

Năm Minh-Mạng thứ 9 (1828) cụ quyền nhiếp công vụ trấn Nghệ-An, trong ít ngày rồi lại trở về Quảng-Binh.

Năm Minh-Mạng thứ 10 (1829) cụ nhậm chức Phủ doãn phủ Thừa-Thiên. Vua mời đến hỏi thăm việc Trấn-Ninh, rồi chuyển thăng cụ lên Lễ-bộ Tụ-Lang, gồm coi việc Nội-các, kế đổi làm Hiệp-trấn Ninh-Binh.



Năm thứ 12 (1831), cụ được dời vào Quảng-Nam. Lúc ấy giặc Mọi khuấy rối vùng Chiên-đàn-nguyên, Cụ Phan được lệnh đem binh đánh dẹp. Chẳng may binh triều cả thua, nên Triều đình bắt tội cách chức cụ Phan, song cũng để cụ tòng sự ở Quảng-Nam.

Năm thứ 13 (1832) cụ được phục hàm Kiểm thảo, sung chức Nội-các Hành - tầu, rồi lần thăng lên chức Hộ-bộ Viên ngoại lang, quyền nhiếp chức Phủ-thừa phủ Thừa - Thiên. Kế-thăng Hồng-Lô tự khanh, cụ được lãnh chức Phó-sứ đi sứ nhà Thanh bên Tàu. Chừng trở về, cụ được thăng Đại-lý Tự-khanh, kiêm công việc Hình bộ, lại sung chức Cơ-mật-viện đại thần.

Năm thứ 16 (1835) cụ phụng mạng đi Trấn-Tây (Cao-miền). Lúc trở về, đi ngang qua Bình Thuận, cụ được lệnh ở lại đó đánh dẹp bọn man-phỉ rối loạn. Được thành công, cụ mới sung chức Bộ-chánh Quảng-Nam quyền ấn Tuần-Phủ Quan-phòng.

Năm thứ 17 (1836), mùa xuân, vua xuống chiếu định tháng 5 sẽ ngự giá vào Quảng-Nam tuần thú. Cụ Phan hay tin ấy mới dựng sớ trần tấu, xin vua tạm đình việc tuần thú để cho nhơn dân rảnh rang lo việc ruộng rẫy. Vua xem lời tấu lấy làm bất bình, phân với Cơ-mật rằng Thanh-Giản có ý chê trẫm cũng như Mạnh-Kha hồi xưa giآن Tề-vương. Vua đình việc tuần thú, song phái Ngự-sứ Võ duy Tân vào Quảng Nam quan sát. Võ duy Tân xét rồi về trình tấu rằng nhơn dân đều trông mong vua đi tuần thú đặng chiêm ngưỡng thánh thể, lại luôn dịp bày tỏ nhiều việc bề trẻ và nhiều thói tham nhũng của quan tiub. Cụ Phan bị sọt xuống làm Lục phẩm Thuộc viên và phải ở đó tòng sự với quan tỉnh Quảng Nam, chờ khi có công sẽ chuộc tội. Cách hai tháng sau, cụ được thăng Nội-các Thừa-chỉ, rồi chuyển qua Hộ bộ Lang trung, lãnh coi các việc trong bộ ấy, sau thăng Tự Thị-Lang, sung Cơ-mật viện đại thần.

Năm thứ 19 (1838), cụ phụng mạng đi Hà-Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa để quan sát cuộc duyệt binh. Chừng trở về cụ cũng ở theo bộ Hộ. Lúc ấy có một là sớ của quan tỉnh tâu về việc bộ Hộ, vua đã châu phê rồi, nhưng bộ quên đóng ấn. Cụ Phan là bộ thần, lại ngày ấy chánh phiêu trực của cụ tại bộ, bởi vậy cụ bị trách về tội không kiểm duyệt và bị giáng làm Lang trung. Cách ít lâu có lệnh phái cụ vào

vùng núi Chiên-Đàn, thuộc tỉnh Quảng Nam, để muốn đào đi bòn vàng. Một ít lâu, cụ than việc ấy khó khăn, vua mới sai cụ ra Thái Nguyên coi khai mỏ bạc. Cụ dựng sớ tâu hai mỏ bạc ở Tống-Ngân và Nhơn-sơn chưa có ngân chất phong phú nên không lấy bạc được nhiều.

Năm thứ 20 (1839) mùa đông, vua nghỉ cụ Phan lao khổ ở ngoài đã lâu, nên dời cụ về Triều, phong chức Thông chánh sử ty Phó sử, rồi chuyển làm Hộ bộ Thị Lang. Lúc ấy cụ Vương hữu Quang, người gốc ở Gia-dinh như cụ Phan, làm Tổng-đốc Bình-dịnh, có dựng sớ xin thiên hủy tước bát « Lôi phong thập » Triều đình cho lời tâu không thành đáng nên muốn xử tội nặng. Cụ Phan không chịu ký tên với các quan Triều. Vua nghỉ cụ Phan thiên vị hạn đồng hương, nên giáng cụ xuống chức Thông chánh Phó sử và cho coi luôn công việc thương-trường.

Năm thứ 21 (1840) cụ sung chức Phó Chủ-khảo trường Thừa-Thiên. Có Cũ-nhơn Mai-trúc Tông làm bài phú trùng vận. Bộ Lễ duyệt lại, trách cụ Phan chấm bài không kỹ nên cụ bị giáng một cấp. Chẳng bao lâu, cụ lại được thăng Bình bộ Thị-Lang.

Qua Thiệu-Trị Nguyên-niên (1841), cụ Phan thăng chức Tham-Tri, lại kiêm việc Cơ-mật viện.

Năm Thiệu-Trị thứ 3 (1843), tiết tháng 2, có một lẳng mống trắng giăng ngang trên trời. Vua ban chiếu cầu trục ngôn về điềm lành dữ. Cụ Phan có dựng sớ cất ngửa và can gián. Vua khêu lời cụ là phải.

Năm thứ 7 (1847), gặp kỳ đại-kế để khảo xét công lao của các quan đặng thưởng phạt, vua thăng cụ Phan lên chức Hình-bộ Thượng thư, kiêm Cơ mật viện đại thần.

Qua Tự-Đức nguyên niên (1848) cụ Phan đổi làm Lại-bộ Thượng-thư. Lúc ấy từ kinh sư ra khắp nhiều tỉnh, trời không mưa, nên nông dân ta thân. Cụ Phan hiệp với quan đồng viện có dựng sớ xin thú tội.

Năm Tự-Đức thứ 2 (1849), vua mở kinh-diễn để nghe sách và cụ Phan được sung chức Giảng-quan.

Lúc ấy vùng Tả-kỳ, là mấy tỉnh phía nam, phần nhiều bị tai nạn. Cụ Phan hiệp với cụ Nguyễn-tri-Phương, mà trần tấu năm điều. Được đặc ân sung chức Tả-kỳ Kinh-lược Đại

(Coi tiếp qua trang 17)

# Truy niệm Đanh Nhân



là số ít.

Ở T dân tộc có một lịch-sử vẻ-vang, trải hơn bốn ngàn năm hưng vong nhiều lượt, như dân tộc Việt - Nam, thì số danh nhân có công hiển hách cùng đất nước chắc chắn không phải

là số ít. Bởi thế, người đời sau biết tưởng nhớ công ơn đó, biết truy niệm danh nhân kia, chẳng những là một điều đáng quý, mà còn là một việc làm để chỉ rõ ràng huyết thống Lạc Hồng lưu truyền mãi mãi, ngàn đời muôn kiếp dân Việt-Nam không thể vong bản được.

Trung Bắc Nam, một giống nòi thì cùng bài tiết nhơn đất Việt há riêng gì phận sự của ai? Nhưng miền Nam này vì địa thế, vì hoàn cảnh, do lịch sử gây ra, nên đã lâu rồi cam chịu tiếng hững hờ cùng anh hùng gầy dựng nước nhà. Tuy nhiên đất mới Nam-kỳ không được có một đền Hùng, một Bạch Đằng giang, một Lê Thái-Tổ, thì càng sanh nở được những trung thần tiết nghĩa như Võ Quốc-công, Phan Kinh-lược. Xin ai chớ vội trách chúng tôi so sánh. So sánh làm sao khi cùng chung một trứng mà ra, cùng nặng mang một hoài bão, dầu địa vị cao thấp đã phân minh, dầu không gian và thời gian đã định rõ.

Vả lại sự thật là thế và phải nói ra để hỏi lại xem nên làm, hương đối với tiền nhơn còn nghi ngút hay đã tắt lửa ở Đông-Nai Gìn-dịnh.

Chưa! nên tâm-lương ấy chưa tắt hẳn, mặc dầu Nam-kỳ là đất hưng vương nên danh nhân chỉ thuộc hàng công thần của nhà Nguyễn-Tuy thế mà đâu đâu cũng có đền thờ miếu mộ vẻ vang, đâu đâu cũng giở đờm đúng lệ. Nội tỉnh Giadinh đã có bốn hội lớn đề trong

nom cùng tế LA-văn-Duyệt, Võ-Tánh, Trương-tấn-Bửu, Võ-di-Nguy.

Riêng Hiền-trung từ, lập ra tháng mười năm Tân-hội (1791), ngày nay chịu cảnh điêu tàn hoang phế, lời ấy vì hoàn cảnh chớ không phải tại lòng người!

Tiếc thay những ngày lành tháng tốt, ta thấy người tập nập đến lễ bái các đền thờ miếu mộ, phải dằn ho chiêm ngưỡng danh nhân để nhớ lại công ơn cùng tổ-quốc, phải đâu họ tìm sống trong giây phút với người xưa để rên cái chi đã mờ, để bồi cái tình thân đã truy lạc. Họ đến đó với tấm lòng ich kỷ, van cầu phước lộc riêng mình hay cho gia đình mình. Tệ hơn nữa, họ đã khinh ngạo tiền nhơn bằng cách đem lễ vật tới dù lót rồi tự họ gán cho các ngài đủ tài đủ phép của bọn phù thủy, tương số — nếu thật chúng có tài phép — để cầu xin các ngài trừ tà ếm quỷ, chỉ dẫn tương lai. Những điều mê muội ấy đáng thương chớ không đáng giận.

Thương vì óc vị kỷ họ chưa rửa sạch, nên việc phục hưng quốc gia họ chưa quan tâm tới. Thương vì lòng tin dị đoan đã làm mờ ám trí xét đoán của họ. Thương vì thiếu học nên họ không được biết sự tích của tề nhơn. Thật thế, trong số một trăm người vào một ngôi đền, chưa chắc có đến năm chục người đã biết rõ tiểu sử của Ông mà người ta thờ, của Ông mà họ đến lễ bái.

Ở nước ta cần phải sửa đổi cách truy niệm danh nhân, Truy niệm cách nào cho đúng phép, cho thích hợp với trình độ xã hội ngày nay. Vả nhơn đó những cuộc lễ hằng năm phải có qui tắc thế nào cho khỏi trùng ngày trùng tháng, hoặc dồn dập gần nhau để khiêu lòng người mau chán.

Hoặc giả hằng năm ta làm một lễ truy niệm chung cho tất cả danh nhân Nam-Việt. Ngoài (Coi tiếp qua trang 23)



# Sứ bộ PHAN THANH GIẢN

## ĐƯỢC PHÁP ĐÌNH TIẾP ĐẠI? HẸN NAO

của TRƯỜNG-SƠN-CHI

**H**ON bảy mươi năm nay, đã bao nhiêu lần như sứ - gia tướng mục ghi mỗi cảm-hoài, đứng lòng phê-luận cái khi tiết của người học trò già nơi góc biển Đại Nam.

Bảy mươi năm nay, đã bao nhiêu lần với cái chết thương tâm cao khiết của Phan liên sanh hay chưa?

Thế tưởng, những gương chói rạng trời đất như thế, đầu đem liệt bút mực của thế nhơn để tỏ lòng lo âu vọng, nỡ đã thấm gì!

Nay nẻo này giờ của tiên sanh, ta hãy khoan nhắc lại tâm lòng trung can của tiên sanh trong buổi non sông bình thường, mà chỉ hãy gọi sống lại khoảng đời âm u nhất của tiên sanh—nhưng mà rực rỡ của sứ sách đạo lý—, đã đem lồng vào khung trời Việt mà cùng nhau chiêm bái tâm tư.

Khoảng đời đặc sắc của tiên sanh, xảy ra trong buổi giao thời Pháp-Nam, nhưng trong chúng ta, chưa mấy ai được rõ những ngày lo âu kín đáo của tiên sanh trong khi đi sứ sang Pháp năm 1863.

Cái cảnh của vị lân-thần ấy, không ngại đời mình đương buổi rời chiến bóng xế, vượt bao nỗi nguy hiểm của sóng gió trùng dương, qua tận bên kia trời to-lắng lợi quyền cho Tổ quốc cái cảnh ấy thật đã làm cảm lòng người Pháp và phỏng ta có nước lại đến bao nhiêu lần nữa vị tiết đã gói tiết tức lòng với tiên-sanh!

Vì thế hôm nay, giữa lao khổ trong nghi-ngủ của ngày giờ tiên sanh, kẻ này xin mạo-moại ghi lại thời khoảng đi sứ của tiên sanh ở đất Pháp, từ bảy mươi năm về trước, gọi để tỏ lòng kính-nể.

Hòa-ước mừng năm tháng sáu tây năm 1862 (trakté du 5 Juin 1862) đã ký xong với nước Pháp và nước Ý-pháp-như ba tỉnh phía đông xứ

Namkỳ là Biênhòa, Gia-dịnh và Định-tướng (Mỹtho) đã nhường cho nước Pháp, nhưng Triều đình Huế bấy giờ vẫn cảnh cảnh bên lòng cái mộng thần-phục ba tỉnh ấy lại.

vua Tự-Đức mời nghĩ đến một cuộc thương thuyết ngoại-giao.

Vì vậy, ngày mùng bốn tháng bảy tây năm 1863, chiếc chiến-thuyền « Européen » do quan Thủy-sứ đó đốc, quyền Thống-dốc Namkỳ cho mượn, chở sứ bộ Phao thành Giéc gồm độ 60 vị sang Pháp. Tiếng là đi tiếp h Pháp-hoàng Nã-phá-Luân đệ-tam (vì tám trước lúc ký hòa ước 1862, sứ thần Pháp có ra để chúc mừng vua Tự-Đức), nhưng kỳ thực sứ bộ sang Pháp là để tìm cách chuộc lại những đất đã mất.

Khởi hành tại Saigon, ngày mùng bốn tháng bảy tây nói trên, sứ bộ tới kinh đảo Sao ngày mười bảy tây tháng tám. Đến Alexandria sứ bộ đổi sang chiếc « Labrador » để đi đến quần-cả g Toulon ngày mùng mười tây tháng chín (10 septembre 1863). Nơi đó, sứ bộ được chào bằng 17 phút thần công và được hải-lâm mà nhìn thấy trên các chiến thuyền Pháp h quân-cảng, những là huỳnh kỳ của Đại-Nhà-bay pháp phối (vì có lịch riêng của Pháp hoàng).

Kể ra, từ Saigon tới Toulon, sứ bộ đi mất hai tháng 7 ngày.

Qua 10 giờ sáng hôm sau, các quan chức quân-cảng Toulon lên tàu viếng sứ bộ, có quan năm Aubaret (dịch Hà-ba-Lý), đại-bộ của quan Thượng-thor bộ Ngoại-giao, làm thơ ngôn. Choán lại chiếc « Labrador » thẳng đi thương-cảng Marseille. Sứ bộ lại được quan chánh công sứ (Consul Général) Mare de Launne, đại diện cho bộ Ngoại-giao, đến chào mừng và mời lại nhà hàng dành riêng cho sứ bộ, nơi đó có đủ các quan chức văn võ, thủ tục ở Marseille chực đón.

Sáng hôm sau, ngày 13 tây tháng 9, sứ bộ đón xe lửa lên Paris. Vào giờ đầu (từ 5 đến 7 giờ chiều), sứ bộ vừa tới ngoại thành Paris thì đã thấy một vị võ quan và hơn một trăm lính của hai cơ lục và kỵ quân với một giàng nhạc nhà binh và xe ngựa chực đón sẵn. Ông Feuillet de Conches (dịch: A-tô-mang), đại diện cho Pháp hoàng Nã-phá-Luân đệ tam, đến chúc mừng sứ bộ và mời lại nhà hàng riêng số 17, đường Lord-Byron, gần đại Thăng-trận.

Bấy giờ, Hoàng đế mắc việc ở Biarritz, đến độ thượng tuần tháng mười tây mới về Paris. Nghi sáu hôm, sứ bộ được quan Thượng-thor bộ Ngoại-giao, Achilè Fould (dịch: Đô dư anh độ lay) chánh thức mời đến đình bàn việc nước, thế cho Pháp hoàng. Sứ bộ mặc triều phục đi theo hai ông Aubaret và Feuillet de Conches. Đến nơi, đã thấy một vị quan trong bộ Lễ nước Pháp chực đón trước cửa đình. Quan Thượng-thor và tam vị công-sự của ngài đều mặc lễ phục, một tay đỡ nón đưa lên chào sứ bộ.

Trong khi bàn chuyện, cụ Phan-thanh-Giản tỏ ra rất khôn khéo. Cụ nói rất nhiều về cảm tưởng của cụ, từ khi để chơu trên đất Pháp, và chỉ đá-dộng sơ qua đến vấn-đề mua chuộc ba tỉnh phía đông, khiến vị khách quý thấy rõ cái thâm ý của cụ là nên chờ Pháp hoàng hồi loạn sẽ bàn đến việc lớn. Thế mà đã có một luận đư luận rất mạnh nổi lên giữa lúc ấy. Thậm chí có tờ báo *Indépendance le* lại phao lên nước Nam bằng lòng tặng 80 triệu quan để mua lại ba tỉnh bị chiếm-cứ và hằng lòng nhường hẳn thành Saigon cho nước Pháp. Rồi thì tất cả báo Pháp và báo ngoại quốc ủng-ủng đăng tin ấy.

Hai hôm sau, giữa cơn mưa gió tầm tã, quan Thượng-thor bộ Ngoại-giao mặc lễ phục đến nhà hàng của sứ bộ Việt Nam đón lễ. Sứ bộ cũng mặc triều phục tiếp rước. Thoạt bước vào, quan Thượng-thor đứng ngay-ngần và lễ-phép hỏi: « Các ngài sứ thần vẫn mạnh? »

Các quan ta đáp lại:

— Vâng, chúng tôi vẫn mạnh. Chúng tôi cảm ơn ngài có lòng tốt tưởng đến sứ thần ngoại quốc nên đến viếng mặc dầu mưa gió. Sau khi ngồi, quan Thượng-thor tiếp:

— Ý muốn đi viếng các ngài không vì mưa gió mà bỏ dỡ.

Lúc sắp bắt tay kiếu từ, vị quan ấy lại gần tay mặt ra và nói: « Bấy giờ, chúng ta là huỳnh đệ: muốn tỏ lòng luyện ái nhau, tôi xin các ngài theo phong tục phương Tây».

Thì giờ qua, Hoàng-đế nước Pháp vẫn chưa hồi loạn. Trong khi đợi chờ, sứ bộ lần lượt đi viếng các xưởng, các sở ở Paris, do quan chừa trong bộ Ngoại-giao hướng dẫn.

Đến ngày thứ 25 của sứ bộ ở tại kinh đô Pháp (7 Octobre 1863) nhằm ngày lễ Vạn-thọ vua Tự-Đức, sứ bộ có mời các nhà tại mặt quen biết ở kinh thành đến dự lễ. Hôm ấy, trên các nhánh cây và trên khắp các cửa các vách của nhà hàng đều có treo lồng đèn đủ màu sắc bày ra một cảnh huy hoàng, tráng lệ. Lại có đốt một tràng pháo bông, trông đẹp mắt vô cùng.

Cuộc lễ xong, hôm sau, sứ-bộ có trao 50 lượng bạc để trả các chi phí, nhưng không ai dám nhận lãnh: quan Thượng-thor bộ Ngoại-giao đã lo trước châu tất cả rồi. Ông Aubaret lại nói: « Tôi xin các ngài hãy cứ để cho vị quan bộ Lễ nước Pháp lo lắng cuộc lễ thế cho các ngài. Đồ chỉ rằng chúng tôi cùng chung hưởng một niềm hoan-hỉ và một lòng kính trọng Hoàng-đế nước Nam như các ngài. Xin các ngài chớ do dự».

Đến ngày thứ 39 (21 Octobre 1863), quan Thượng-thor bộ Ngoại-giao có mời sứ bộ đến đình-thự của ngài để dự một buổi tiệc thân-ái cùng với các sứ-thần ngoại quốc như sứ-thần Ba-tây (Brésil), Vénézuéla, Mê-tây-cơ, Thổ-nhĩ-kỳ, Nga, Úc, Hòa-lan, Thụy-điển v.v.. Trước khi nhập tiệc, quan Thượng-thor đưa trước cụ Phan-thanh-Giản, lễ phép nói: « Theo lịch tôi tiếp được của Hoàng đế thì Hoàng-đế có ý muốn chờ Hoàng-hậu cùng về Paris để lựa ngày hội đàm với sứ-bộ, và như thế, cuộc lễ sẽ được thêm phần long trọng. (Theo các nước Âu-châu, khi nào có cuộc lễ to lớn vua và hoàng-hậu cùng ngự). Vì vậy, xin các ngài sứ-thần cao quý chớ phiền và chớ ngạc-nhiên vì phải chờ đợi lâu ngày».

Cụ Phan thanh Giản đáp lời: — Chúng tôi đã hiểu rồi, khi nào chúng tôi đàm ngạc nhiên?

Sau cùng, đến ngày thứ 51 (5 Novembre 1863), sứ bộ mới được triều kiến Pháp-hoàng tại đền Tuileries. Vào giờ vị ngày ấy (từ 1 đến 3 giờ chiều), hai vị quan bộ Lễ đem bốn chiếc xe của nhà vua lại nhà hàng rước sứ-bộ, có bốn kỵ quan theo hộ tống. (Mỗi chiếc xe có hai con hồng-mã kéo. Xe có mui, sơn màu đen bóng, tô điểm nhiều màu vàng. Có một chiếc to rộng và đẹp hơn tất cả ba chiếc khác. Trên mỗi chiếc có ba vị võ quan theo hầu).



Một triều phục, các quan ta kính-cẩn mang những bức thơ ngoại giao để trên một cỗ danh dự nhất của chiếc xe to đẹp kia, Cụ Phan-thanh-Giản, Chánh-sứ, cùng ngồi nơi phía sau chiếc xe ấy với quan Tham-tri bộ Lễ nước Pháp. Hai vị phó-sứ Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản thì ngồi trên chiếc xe thứ nhì với quan Thị-lang bộ Lễ Pháp và ông Aubaret. Các ông Nguyễn văn-Chất, Ngô-văn-Huân và Hồ Văn Long ngồi trên chiếc xe thứ ba. Sau rốt, trên chiếc xe thứ tư có các ông Nguyễn Hữu-Thận, Nguyễn Hữu-Cấp, Hoàng-Kỷ và Tạ Huệ-Kế.

Đoàn xe đến tả môn đền, quẹo thẳng vào chánh môn của vòng thành song sắt, án ngay trước đền, thì thấy hai bên tả hữu độ một ngàn lục ky binh hồng súng giăng hầu. Cũng lúc ấy, trống nhạc như loạt nổi lên chào mừng.

Đến chánh đền, sứ bộ xuống xe, bước lên các bậc cửa hoàng điện. Bấy giờ, Phó sứ Phạm Phú Thứ cũng kính, mang những bức thơ ngoại giao đi trước; kế đó là Chánh sứ Phan Thanh Giản và các vị khác.

Một vị thượng quan bộ Lễ của Pháp ra tiếp rước. Theo vị quan ấy, sứ bộ lên thượng lầu, và, sau khi qua suối "lá" lần cửa, sứ bộ đến chánh điện, nơi mà các ngài sắp triều kiến Pháp hoàng.

Từ hạ lầu đến đó, sứ bộ thấy đứng san sát hai hàng lính, tay hồng súng, theo thứ bậc phân mình. Lại có riêng độ trăm ngự lâm quân lẫn lộn trong ấy.

Ngay trung đền, tựa vách, là điện tam cấp hình tròn, có bao phủ một lớp hồng nhung. Nơi đó, hoàng đế, hoàng hậu và hoàng tử cùng ngự.

Hoàng đế đứng trên phía hữu thượng cấp, tay trái cầm mũ. Bên tả hoàng hậu đứng khoanh tay. Hai ngài đứng cách nhau độ vài tấc tây. Nơi hạ cấp, về phía hữu của Hoàng đế là hoàng tử, mình mặc võ phục. Ngài cũng đứng, tay cũng cầm mũ. Về phía hữu hoàng điện; các quan trong Triều Pháp, ngồi đối diện với các phu nhon ở phía tả. Cả thấy ước độ vài mươi vị, ngồi thành hình chữ bát.

Các sứ thần của ta thẳng tiến đến trước bậc điện của Hoàng đế, theo thứ tự phẩm chức từng người. Hai cụ Phan-Thanh-Giản, Ngụy-Khắc-Đản và các vị khác chấp tay ngang trán ba lần chào Hoàng đế. Pháp hoàng và Pháp hậu cúi đầu đáp lễ lại. Triều phục kỳ lạ và hay hoàng của các quan ta rất được Triều đình Pháp chú ý, ngắm xem.

Sau khi hoàn hô chúc tụng, cụ Phan-thanh-

Giản kính cẩn cầm lấy các bức thơ ngoại giao trong tay cụ Phạm-phú-Thứ để dâng lên Pháp hoàng. Lúc ấy Hoàng-đế bước xuống một bậc điện để lãnh các thơ ấy. Xong, ngài trở về đứng chỗ cũ và trao các thơ cho quan Thượng-thor bộ Ngoại-giao.

Cụ Phan-thanh-Giản hèn giải bày tôn chỉ của sứ bộ với Pháp-hoàng bằng một giọng nghiêm trang, hơi rung vì cảm động và vì cao tuổi (năm ấy cụ đã 67 tuổi). Giọng của cụ nữa như than thở, nửa như ngậm nga. Cái cảnh tượng của vị lão thần đẹp đẽ và cao quý ấy, thốn thớt kể những nỗi đau khổ của non nước xa xuôi của mình, làm cho Triều đình Pháp khôn xiết ngậm ngùi. Thậm chí, một phu nhon không nếm nổi được lòng, phải kín đáo đưa tay chùi một giọt nước mắt!

Hoàng-đế nước Pháp đáp lại mà ngài muốn cho từ ái về ý cũng như về lời. « Nước Pháp từ ái với tất cả các dân tộc và sẵn sàng bảo vệ những kẻ yếu. Nhưng những kẻ nào cần đường tấn-thủ của nước Pháp sẽ hiểu sự nghiêm khắc của nó ». (La France, dit l'Empereur en substance, est bienveillante pour toutes les nations et protectrice des faibles; mais ceux qui l'entravent dans sa marche, ont à craindre sa sévérité). Nhưng ông Aubaret lại thông ngôn ont à craindre sa sévérité ra phải có sợ khiến cho các quân ta tưởng là công-cuộc đã hỏng rồi.

Xong, các sứ thần chấp tay ngang trán ba lần chào Pháp hoàng và lui ra từng người mà có hai quan Tham-tri và Thị lang bộ Lễ đi theo ra. Đến cửa đền, trống nhạc cũng lại trời lên.

Một lát sau, theo lời mời của ông Aubaret, các sứ ta lên một chiếc xe khác đến dinh quan Thượng-thor bộ Ngoại-giao, nơi đó, được ngài hết lời an ủi. Quan Thượng-thor xin các sứ ta cho biết các điều kiện đề nghị mà ký một hòa ước mới sửa đổi lại hòa ước mừng năm tháng sáu tây năm 1862. Vì đức Tự-Đức có mệnh trước cho sứ bộ, phải bằng lòng cả khoản bắt buộc của nước Pháp để quyết chuộc lại ba tỉnh bị mất, nên các sứ ta không chần ngán ngài về việc ấy.

Vì vậy, ít hôm sau đó, tờ báo *Monieur Universel* đề ngày 12 Novembre 1863 tuyên bố chắc thừ rằng hòa ước Bonard (tức hòa ước 5 Jun 1862) sẽ phải sửa đổi lại, mà điểm hệ trọng là khoản thứ ba trong hòa ước ấy, bắt Triều đình Huế đã nhường ba tỉnh Biên-hòa, Gia-định và Định-tuong (Ninh-tho) sẽ bị xóa bỏ.

(Coi tiếp qua trong 23)



Cliché N.K.I.B.

## CỤ PHAN - THANH - GIẢN

lúc đi sứ ở PHÁP (1863)



Tổng-  
Trưởng bộ  
Hải-Quân  
và Thuộc-  
Địa Pháp



**M. de Chasseloup-Laubat**

năm 1851  
và 1859  
lời 1867.



**Thủy-sư Đô-đốc**  
Người đã cùng Sứ-thần  
ký hòa-uớc



Cliché S.E.I.

Sứ-bộ **Việt-Nam** sang **Pháp** năm 1863  
Tham-tri bộ Nội-vụ, **Phạm-phú-Thứ**, Phó Sứ  
Hiên biên Đại-Học-Sĩ **Phan-thành-Giản**. Chánh Sứ

Nhìn từ mắt qua lưới



Cliché N.K.T.B.  
**Phan-thành-Giản**  
1862.



Người đã  
chứng kiến cái  
chết trung-liệt  
của Kinh-lược sứ  
**Phan-thành-Giản**

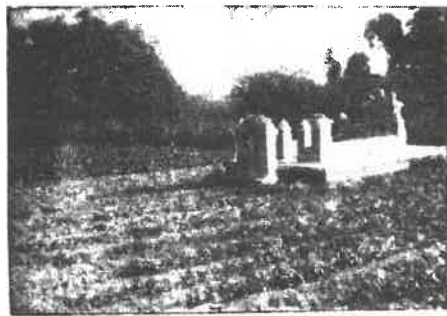
**Thủy-sư Đô-đốc De la Grandière**



Cliché N. K. T. B.

Sứ-bộ **Việt-Nam**  
Triều-kiến Hoàng-đế **Napoléon III**  
tại đền « Tuileries »





Cliché SEI

Mộ của thân mẫu **Cụ Phan**



Cliché SEI

Mộ **Cụ Phan** (Hậu đầu)

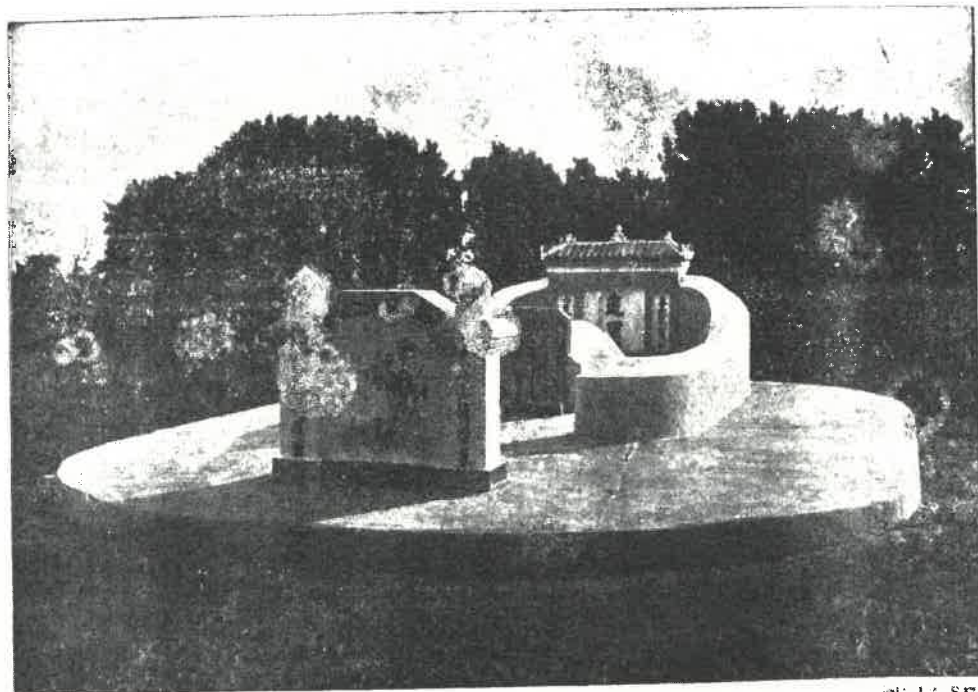
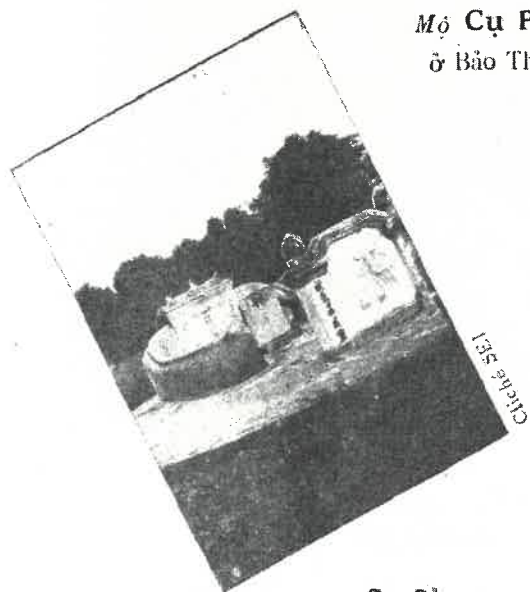


Photo Lê-vân-Phúc

Cliché SEI

Mộ **Cụ Phan-thanh-Giản**  
ở Bảo Thạnh, Batri (Bétre)



Cliché SEI

Mộ **Cụ Phan**



Cliché SEI

Mộ **Cụ Phan**

# Phan Thanh Giản Trở lại Bài Cũ thuở Vương xe mới chỉ hồng

H. HO  
CH. C. D. K.

của **TRUC-THÂN**

**B**A mươi một tuổi đầu, nhựa thanh xuân còn sôi trong máu, tinh thần tộc còn nặng bên lòng, dứt bỏ ra đi, dầu để lo đường tiến thủ, dầu với cái chỉ tang bằng, kẻ trai ấy cũng đã một phen cảm thấy ngậm ngùi, bức rức. Phương chi, « *Vợ mới cưới bấy ngày* », chén ái ân vừa nhấp, hương chăn gối còn nồng, ời nào sấu thay cảnh ly biệt !

*Thăm thẳm bước ra cửa  
Rừng sâu đêm tối mờ  
Nhà gần trong chẳng thấy  
Ướt áo lệ như mưa.*

Ngày ra đi bịn rịn bên nhau, tình chàng ý thiếp ai sâu hơn ai ? Nhưng rồi lòng trai bao giờ cũng cứng cỏi, tình trai bao giờ cũng chừa dưng, xa nhà, nhớ vợ, gối về quê một lời tâm sự tuy thiết tha mà chẳng tràn trề, tuy gắng bó mà không yếu đuối :

*Từ thuở vương xe mới chỉ hồng,  
Tình này ghi tạc có non sông.  
Đường mây cười kẻ ham dung ruid,  
Trương tiêu thương ai chịu lạnh lùng!  
Ơn nước, nợ trai thành nỗi bận,  
Cha già, nhà khổ, cậy nhau cùng.  
Mây ời dãn như khi lâm biệt,  
Rằng nhớ, rằng quên, lòng hơi lòng ? (1)*

Bao nhiêu sâu cảm, bao nhiêu nhớ thương  
lên ký gởi vào tâm câu thơ ấy !

*Từ thuở vương xe mới chỉ hồng,  
Tình này ghi tạc có non sông.*

Đó là lời chung tình của một kẻ trọn đạo làm chồng. Cái tình biết đem ghi tạc, giữ cho mãi đậm đà, cao cả như núi, tràn trề như sông. Chỉ trong 14 chữ mà tác giả phơi được tâm sự cho người đời thấy rõ. Không cần phải chọn lựa những lời lẽ thật say đắm, những từ thơ thật thiết tha, mà diễn tả được lòng sắt đá, một nguồn tình bằng bột đời đời.

cái tài của khách thơ thật tuyệt diệu. Thấy có bản chép *lòng này*, tôi xin có chút ý kiến gọi là cân nhắc lời thơ để đưa gần về với nguyên tác.

*Từ thuở vương xe mới chỉ hồng*

Câu phò đề chỉ rõ cái phút khởi nguồn của tình mặn nồng của tác giả, không có chữ nào cho ta biết thái độ của tác giả từ cái thuở vương xe mới chỉ hồng ấy. Câu thừa bổ nghĩa thêm. Ta hiểu: từ khi ăn ở nhau, tác giả định ninh ghi tạc mỗi tình ngàn ngày không xao lãng, sự trường cửu sánh với núi sông (hay nói một cách khác, có núi sông làm chứng cho sự định ninh ấy).

*Lòng này ghi tạc có non sông.*

Ta thử đề chữ *lòng* thế vào chữ *tình*. Câu thơ trở nên tối nghĩa. *Lòng* chỉ sự gì ? *Lòng* yêu ? *Lòng* trung quân ? *Lòng* thương ? *Lòng* quảng đại ? Không được rõ ràng. Hơn nữa, người ta không nói ghi tạc một tấm lòng. Người ta dùng: Ghi tạc một cái ơn; ghi tạc một mối thù... Nếu hã: lòng này ghi tạc... có nghĩa là ghi tạc vào lòng thì câu thơ vẫn còn đen tối. Ghi tạc vào lòng cái chi ? Cái từ *thuở*... ? Cái núi sông ? Cái... ? Ghi tạc không thể dùng một mình để phân đọc giả « đoán » ra cái khách từ bổ nghĩa ở phía sau. Nếu ghi tạc thì phải ghi tạc một cái chi.

Có người sẽ bảo: *lòng* dùng thay thế cho *lòng yêu* ? Như vậy, thì cái sự yêu đương ấy, bị thu hẹp lại, dường như vị trí của nó ở vốn vẹn trong lòng của chàng trai 31 tuổi. *Tình* man mác hơn, rộng lớn hơn, lai láng hơn, nó bao trùm cả vạn vật. Về phương diện nào chữ *tình* cũng đầy đủ ý nghĩa hơn chữ *lòng*.

*Đường mây cười kẻ ham dung ruid  
Trương tiêu thương ai chịu lạnh lùng.*

Có bản chép *cười tở* Đề chữ *tở* mới ăn vào



đại ý của toàn bài, vì chính tác giả tự nói? Chữ *tô* lập lại cái ý « *tôi* » ở « *lành này* »? Câu thơ không được ngọt, âm điệu không được dịu dàng. Theo tôi, chữ *kẻ* chẳng những làm cho câu thơ êm ái, di xuôi (dẫu hơi đưa hơi dài thêm; dấu sắc ngắt dứt hơi câu thơ như đứng lại) mà còn gây nên một cái ý chua chát, mỉa mai.

Cười *tô* ham dung ruổi, thương ai chịu lạnh lùng. Ai cười? Ai thương? Thương thì hẳn là cụ Lương-Khê thương bà hiền nội trợ « *việc nhà phải gánh vác* ». Còn cười? Ai cười. Cụ Lương-Khê? Kẻ bàng quan cười cụ ham công danh? Sống vào thời cụ mà kẻ trai trẻ lấy quan trường làm con đường tiến thủ duy nhất, có một người đi cười cụ đeo đuổi công danh thì thật là một sự khó hiểu vậy. Không lẽ bà vợ ở nhà lại cười ông chồng theo dõi cần dai để bà chịu phòng không quanh quẩn quê? Thương đây cũng chính cụ thương mà cười đây cũng chính cụ cười. Thương vợ lạnh lùng trường liễu gánh vác việc nhà, cái ấy đã đành hợp tình, hợp cảnh. Tại sao cụ lại cười cụ? Cười cái con người hồn chôn nẻo lợi đường danh, coi nhẹ tình ân ái? Vì có khi cụ xét lại mà tự thâm trách lấy mình. Tôi hiểu như vậy, tôi không thể nhìn nhận chữ *tô*. Ta cười lấy ta? Không có cái ý nghĩa chua chát mà cụ Lương-Khê có dụng ý để phảng phất vào câu thơ.

*Đường mây cười kẻ ham dung ruổi.*

Kể thơ sanh này xin mạo muội diễn dịch ý nghĩ của tiên nhân. Hẳn lúc nhớ quê, nhớ vợ, có khi cụ Phan đã phát cười gượng, chua chát thốt ra cái câu mỉa mai ấy. Cụ là người theo đuổi công danh mà lại đi cười cái « *kẻ* » ham dung ruổi trên đường công danh. Cụ không tự cười cụ, cụ chỉ cười cái kẻ kia thôi. Mà cái kẻ kia lại chính là cụ, thì thật là mỉa mai một cách ý vị vậy! Đó là tất cả cái ý nghĩ trách móc của một người ở vào nghịch cảnh tự mình lại phải trách lại mình. Đó là cái nghệ thuật riêng của thi sĩ nước ta. Nhận được chỗ đó, mới thấy được cái giá trị đặc biệt của chữ *kẻ* sánh với chữ *tô* làm thương, kẻ n thì vị (prosaique). Thường thường chữ *tô* chỉ dùng trong thơ có giọng trào phúng (*Phen này là hồng tô đi ngay*...)

Hơn nữa, xét về phép cân đối, *tô* không xứng với *ai*: *tô* là một chữ như đại danh từ (pronom personnel), *ai* là bất định đại danh

từ (pronom indéfini). Nếu để *tô* thì phải để *mí* hoặc cùng cực *em*; hai chữ *mí*, *em* không thể dùng trong một bài thơ như bài « *ký nội* ».

*Ơn nước nợ trai đành nỗi bận.*

*Cha già nhà khó cậy nhau cùng.*

Bây giờ cái tình, cụ Lương Khê lại nói đến cái cảnh. Trai thì lo việc nước, gái thì chăm việc nhà. Cụ đã bận đến nỗi tấc đất ngọn rau thì bà vợ ở nhà hãy thay cụ mà phụng dưỡng cha già, đỡ nâng nhà khó. Chữ *bận* không có cái nghĩa *bận* ởng, *bận rộn* hay *miễn cưỡng*. *Bận* đây là *o*. Cụ đã đành phải lo tròn *o* nước, đó là cái *o* làm trai; nhưng còn *o* nhà? Thôi thì hãy cậy nhau, vợ thế chớ chớ trọn đạo thần hôn. Nên đề *đành nỗi phận* thì cái nghĩa cao qui của *o* trai không còn nữa. *Đành nỗi phận* có ý miễn cưỡng làm một công việc không thể từ chối. Và lại, rập « *đành nỗi phận* » vào với *ơn nước nợ trai*, câu thơ trở nên vụng về. *Phận* gì? *Phận* thân từ đó với vua? Thì đã có hai chữ *ơn nước* gồm cả ý ấy một cách mạnh mẽ. Gọn gàng rồi! *Phận* trai? Thì lập lại cái ý *o* trai sao?

Cặp luận trên đây đáng gọi là hoàn toàn: *đành cha già, nhà khó đối với ơn nước, nợ trai* thì là xảo đối, thật là tuyệt diệu, cũng như *o* nhau cùng đối với *đành nỗi bận* thật là khéo thật là hay! Nếu thay *phận* vào *bận* thì nghệ thuật của cụ Lương Khê chẳng hóa kém cõi lắm ư? Chỉ một chút đó đã là mất giá trị toàn bài.

*Mấy lời dặn nhũ khi lâm biệt.*

*Rằng nhớ rằng quên lòng hỡi lòng?*

Bây giờ cụ mới nhắc lại những lời khuyên bảo vợ khi bước chơn ra, đặt một câu thiết tha, ân cần: *rằng nhớ, rằng quên?*

Có bản in là *nhân nhũ*. Như thế là nghĩa.

Thấy cụ Lương-Khê ở xa gửi lời tâm về cho vợ, người ta lầm dùng 2 chữ *nhân* có ý cụ nói nhân lời vợ rằng nhớ, rằng quên.

Nhũ là khuyên, nhân là ở xa gửi về do kẻ tru g gian. Với hai câu này, cụ P. an nhắc lại những lời cụ khuyên bảo khi từ nhà ra đi thì chớ không nhân gửi một lời nào cả. Có thể dùng dặn bảo, hay khuyên bảo.

Có bản chép là *con lâm biệt*. Chữ *con* một tánh cách thường trực (caractère permanent), chữ *khí* chỉ một thời hạn nhất

(Coi tiếp qua trang 2)

TIÊU-SỬ CỤ

# PHAN - THANH - GIẢN

(Tiếp theo trang 6)

Sở, kiêm lãnh Tổng đốc Bình-Phủ, và gồm coi đạo Thuận-Khánh, cụ Phan vào Nam rồi đứng ở xin cứu giúp dân và binh lính. Vua ngợi khen và thưởng cụ 20 lượng bạc.

Năm thứ tư (1851) cụ Phan được sung chức Nam-kỳ Kinh lược Phó sứ, lãnh chức Tuần phủ Gia Định, lại coi luôn các đạo Biên - Hòa, Long-Tường và An-Hà.

Năm thứ 5 (1852) cụ Phan hiệp cùng Chánh-sứ Nguyễn-tri-Phương mà đứng sớ trần tở 8 điều và xin trở về triều. Vua huấn dụ cụ Phan ở lại và thưởng cụ một tấm đại kim khánh có khắc 4 chữ: « *Liêm, bình, cần, cần* ».

Năm thứ 6 (1853), tháng 8, vua nghi cụ Phan ở ngoài khó học đã lâu, bèn đòi cụ về kinh, thăng cụ lên chức Thứ Hiệp biện Đại-học-sĩ, kiêm Bình-hạ Thượng-thư, Giảng-quan kinh-diệu và Cơ mật viện đại-thần như trước. Cụ Phan đứng sớ trần tấu các công việc cần phải cải cách trong Nam-kỳ. Vua phê y, lại dạy cụ làm Tổng-tái lo soạn bộ sách « *Khâm định Việt-sử thông giám cương mục* » 53 quyển.

Năm thứ 9 (1856) đến kỳ đại-kế vua khen cụ Phan thanh liêm cần thận nên thưởng cụ một tấm bài bằng ngọc.

Năm thứ 12 (1859) ở Đà-nẵng, Định-tướng và Biên-hòa có việc phiến động. Triều đình dùng sớ trần bày mưu kế hoặc chiến, hoặc hoà, cùng cách phòng thủ. Cụ Phan cũng có đứng sớ riêng, được vua khen là lời nói cốt yếu, bọn tâu tiến không thể sánh kịp, ước mong hết lòng hết sức giúp vua dựng có tiếng khen đời sau.

Năm thứ 15 (1862), quan Thủy sư Đê đốc Bonard ở Gia định gửi thơ xin nghị hòa. Triều đình xin cho sứ vào Nam mà điều đình. Vua phê chuẩn. Cụ Phan-thanh-Giản với cụ Lâm-duy-Hiệp được chọn đi sứ. Ngày 16 mai 1862 vua phong cho hai cụ chức Chánh-sứ và Phó-sứ Toàn-quyền Đại-thần. Lúc ra đi, vua lại nữa thân rót ngự tửu lau cho hai cụ và khuyên hãy đều đình cho khéo. Chương hai cụ tới Gia Định thì quan Đê-Đốc Borsard ép buộc phải nhượng ba tỉnh Gia Định, Định-Tướng và Biên-Hòa lại phải bồi thưởng binh phí bốn triệu bạc. Tô hòa ước ký ngày 5 Jun 1862.

Cụ Phan đứng sớ về Triều mà tâu sự ấy.

Vua quở trách hai cụ, đòi cụ Phan làm Tổng đốc Vĩnh-long để thưởng thuyết lại cùng quan Pháp. Vì cuộc đàm phán không có hiệu quả, nên cụ Phan bị cách chức, song vẫn được giữ quyền Tổng-đốc Vĩnh-long.

Năm thứ 16 (1863) cụ Phan được triệu về Kinh để sang Pháp đình nghị hòa và chuộc lại ba tỉnh trên; cụ lãnh chức Chánh-sứ, còn cụ Phạm phú Thứ làm Phó-sứ, và cụ Nguyễn khắc Đản làm Bồi-sứ.

Năm sau sứ bộ trở về, cụ Phan đòi làm Hộ-bộ Thượng-thư. Đến lúc quan Toàn-quyền đại thần Aubaret đến Kinh-đô Huế nghị hoà thì vua lại ban cho cụ Phan cũng chức Toàn-quyền đại-thần để bàn nghị cùng sứ Pháp. Vua có ban cho cụ một bài thơ ngũ ngôn, 18 câu, mà khuyên cụ hãy tâu tâm làm tròn sứ mạng.

Năm Tự-Đức thứ 18 (1865), đến kỳ lễ Giao, vua dạy cụ lãnh chức Nhiếp-Tể Năm ấy cụ đã được 69 tuổi, cụ đứng sớ xin cho hoãn hưu đường lão. Vua an ủi, khuyên cụ ở lại.

Kể cụ Trương-văn-Uyển Tổng-đốc Vĩnh-long, đứng sớ về Triều trần tấu tình hình rắc rối của ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên. Vua phán nếu có người được lòng tin phục của quan Pháp vào điều đình, may ra chốn biên thùy mới an được. Cụ Đoàn-Thọ và cụ Trần-tiền-Thành đồng tiến cử cụ Phan. Vua bèn phong cho cụ Phan chức Kinh-Lược đại-thần, và tha tội cách lưu ngày trước để cho cụ vào Nam mà lập công chuộc tội. Cụ Phan đứng sớ xin nhượng cái đặc ân phục chức trước đó cho cụ Lâm-duy-Hiệp bị cách như cụ và đã tạ thế rồi. Vua bèn phục chức luôn cho cụ Lâm.

Năm Tự-Đức thứ 19 (1866) cụ Phan ở Vĩnh-long viện lễ già và bệnh mà đứng sớ xin phép hoãn hưu nữa. Lần này vua quở rằng: « *Trẫm mới giao trách nhiệm cho khanh, khanh chưa làm đúng theo chỗ kiến thức của khanh, sao khanh lại tâu những lời ấy?* »

Năm Tự-Đức thứ 20 (1867), tháng 5, toàn mạng lệnh của Thủy-sư Đê-đốc De la Grand-ère, một đạo chiến hạm Pháp đến đậu trước thành Vĩnh-long, rồi sai người đem thơ lên thành buộc phải nhượng luôn ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên. Cụ Phan hẳn thân xuống tàu, muốn thương thuyết cho êm. Cụ thấy không thể nói được, bèn xin với quan Pháp đứng làm kinh động như dân và để cho quan ta trọn quyền gìn giữ lương tiền lúa thóc trong



kho. Quan Pháp ưng thuận. Chừng cụ Phan trở về dinh, thì binh Pháp đã do 4 cửa mà vào thành trước rồi. Kế được tin thành An-giang và Hà-tiên cũng đã bị chiếm hết. Thế thì không đầy 5 ngày mà ba tỉnh liền tiếp nhau thất thủ.

Cụ Phan thấy tình hình rắc rối không thể giải được, cụ mới lấy trong kho của ba tỉnh số bạc một triệu mà đóng tiền bồi thường binh phí, còn lại bao nhiêu cụ gởi hết về kinh, và cụ gởi luôn theo áo mào, ấn tín với một tờ đi sứ thông thiết cho vua, mà tâu tình hình ở Nam-kỳ làm cho cụ phải vì nghĩa mà chết, chớ không dám gắng gượng mà sống để sự hổ thẹn cho quân phụ.

Thấu xếp mọi việc xong rồi, cụ mới tuyệt thực, ngày một yếu dần, nhưng thấy lâu chết nên ngày mùng 5 tháng 7 (4 Aout 1867) cụ bèn phục dục được để tròn tiết nghĩa và hiệp chánh khí.

Năm Tự-Đức thứ 21 (1868) triều đình cách cả tước hàm của cụ, lại bôi tên họ cụ trong bia Tấn-sĩ.

Đến Đồng-Khánh nguyên niên (1885) vua mới phục nguyên hàm tước cho cụ và cho khắc tên họ cụ lại trong bia Tấn-sĩ.

Trong « Đại-Nam chánh biên liệt-truyện » có lời phê bình tài đức cụ Phan Lương-Khê như vậy : « Phan-Thanh-Giản lãnh tình ngay thẳng và hiền lành, lại luôn luôn giữ một lòng liêm khiết. Làm quan thì cụ cần cần, cần thận đảm trực ngôn mà bày tỏ mọi việc, thờ ba triều đều được vua mến yêu. Lãnh sứ mạng vào Nam khi thấy tình thế không làm gì nổi nữa, cụ có can đảm mà nhận tội rồi tự xử. cũ chỉ ấy chắc người khác không thể làm được. Xem đi sứ của cụ, thì thấy lòng trung ái đối với quân phụ chưa chan trong mỗi câu. Đã vậy mà cụ là người trí cao học rộng. Mỗi khi đức Dực-tôn-Anh hoàng-đế (Tự-Đức) được nhậm rồi, bản luận văn-chương cùng định thần, thì ngài thường khen cụ Phan là bậc cổ nhả, các danh thần ở Nam-trung đời sau không ai hơn cụ được. »

**SỰ NGHIỆP VĂN - CHƯƠNG.**— Trong « Đại-Nam chánh biên liệt truyện », chỉ kể « Lương-Khê thi văn tập » là sự nghiệp văn chương của cụ Phan được lưu hành trong dân gian mà thôi.

Còn theo ông Ưng-Hoà Nguyễn-văn Tố viết trong « Tri-Tân » số 99 thì trường Bạc-cổ sưu

## XIN GIẢI GIÙM

Một nhà nho, con của quan đồng thời với cụ Phan Lương-Khê, nói lại rằng thuở trước, hễ cụ Phan cầm bút, cụ thường ngâm hai câu thơ này :  
Bóng đưa dương liễu ngành ngành nguyệt  
Cụm tòa ngọc đồng lá lá sương

Hai câu này do ai đặt, hay là của cụ Phan ?

Trong thời buổi nào và vì hoàn cảnh nào mà đặt ra hai câu ấy ?

Trần trọng xin văn-nhơn vui lòng chỉ giáo, để giúp tôi đến thêm nhiều biết cho nền văn-học Việt-Nam.

### BÀI THI « TỰ-THÂN » CỦA CỤ

Phan-Thanh-Giản

Từ ngày đi sứ tới Tây-kinh  
Thấy việc Âu-châu phải dứt mình.  
Kêu rú đồng-hang mau thức dậy  
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin.

(Rút trong « Việt-Nam Thi-Tập »,  
của Đặng-Thúc-Liêng liên-sanh)

Tôi hiến thân cho Pháp-Quốc đặng làm  
cho quê hương bớt phần hoạn nạn.  
Thượng-tướng PÉTAIN

lâm tác phẩm của cụ Phan, hiện nay đã có những quyển này :

1. « Lương-Khê văn thảo », là một tập văn Hán, trường Bạc-cổ sao lại được 141 tờ; tập 1 tờ từ 50 trùng với tập « Lương-Khê văn thảo » là sách in.

2. « Lương-Khê thi văn thảo » gồm 4 tập 1 và 2 là thơ, tập 3 là văn, tập 4 là bổ-đi, lời của cụ Thương Sơn, tức Tùng-Thiện ở vương Miên-Thâm đề tựa năm Tự-Đức thứ 29 (1876).

3. « Sơ trình thi tập » là tập thơ chữ làm khi đi sứ Tàu năm Minh-Mạng thứ 18 (1822).

Cụ Phan lại đứng đầu Sĩ-quan làm « Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục » và bộ « Khâm-định đối sách chuẩn thẳng » một tập văn đề làm mẫu cho Cử-nhơn thi

HỒ BIÊU-CHÁNH



(Tiếp theo)

Ê nội tiên tôi chịu cho mình ăn xài, may áo may quần, mỗi tháng không dưới hai trăm đồng bạc. Đã vậy mà tôi còn phải chịu cho thầy mỗi tháng 60 đồng thầy xài riêng nữa. Tôi nói thiệt, tôi tốn



liên mua vui, thì tôi phải hưởng trọn cái vui, chớ chẳng bao giờ tôi chịu cho ai chung hưởng. Nếu mình trái ý tôi, thì tự nhiên tôi phải rời thầy với mình đi ra, đặng tôi kiếm người nào khác, hiệp ý với tôi, vô đày mà ở... »

Tức giận muốn bẻ ngược, cô Mậu không thể lẩn nữa được, nên cô vùng đứng dậy, cặp mắt lò au, tay chỉ mặt thầy Thêm mà nói lớn :

— Thầy đừng nói nữa. Tôi cảm, không cho thầy nói một tiếng gì nữa hết.

— Tôi nói hay hay sao, nên không cho tôi nói? Ngộ dữ hôn! Tôi ở trong nhà của tôi, mà lại bị cấm không được nói chuyện chớ!

— Thầy thuộc về hạng tiểu-nhơn đặc-chí, thầy coi đồng tiền của thầy là quý, chớ thầy không biết trọng tình nghĩa, không biết vị bầm giá của bạc quân-tử. Vì nhà tôi suy sụp em thầy mới làm lem lược thân thể tôi được, ôi bữa chắc tôi không dễ cho thầy làm hèn và cái phẩm gia của cha con tôi đâu... Thầy hồi đuổi má! Tôi sẽ đi. Để lát nữa thầy tôi ở đây rồi cha con tôi sẽ đi liền.

— Tự ý... »

Thầy Cái bước vô nhà. Đã nghe mấy câu này, mà lại thấy bộ con rề, thì biết trong nhà việc bất hòa, nên thầy hỏi : « Việc gì vậy? » Thầy Thêm tròn mắt mà đáp : « Tôi đi đặng Saigon một chút ở nhà nó dất trai vô tự nói chuyện chớ việc gì. »

Cô Mậu cãi : « Tôi nói cho thầy biết, tôi nói thầy háy giờ không còn dấn dấp tình nghĩa nữa hết. Vậy thầy không được phép nói cho tôi nữa. Tôi còn ngồi nên trong nhà này đây là ngồi đợi chờ thầy tôi mà thôi. »

chớ không phải tôi mê đồng tiền của thầy nên tôi chịu lý mà ở đâu. »

Cô lại day qua nói với cha : « Thầy chẳng cần phải bồi làm chi. Nhục nhà lắm, thầy ôi! Phải đi, cha con mình phải đi ra khỏi nhà này cho mau, đừng thêm ở nữa. Thà đi ra còn ít nhục hơn là ở như vậy. Để con lấy đồ rồi đi. »

Cô nói dứt lời rồi ngoe-ngoây bỏ đi vô buồng. Thầy Cái ngồi châu mày suy nghĩ rồi hỏi thầy Thêm :

— Ở nhà rầy rả với nhau luog lắm hay sao mà con nhỏ giận dữ vậy?

— Không phải rầy. Tôi đi khỏi nó dất trai vô nhà nói chuyện. Tôi về tôi bắt được, tôi cắt nghĩa sự khôn dại, phải quấy, cho nó nghe. Nó mắc cỡ rồi nó cự lại với tôi. Tôi bứt tức nên nói nặng lời, rồi nó giận nó nói nó đi, nó không thêm ở với tôi nữa. Đi đâu thì đi, tôi có cần đâu.

— Dầu việc gì cũng vậy, phải thông thoáng mà tính, gây gổ với nhau làm gì. Thuở nay con Mậu tánh nết tốt lắm. Hồi nó chưa có chồng chẳng hề có tiếng làm gì. Nếu nó hư thì hư hồi trước, chớ có chồng rồi thì có lý nào lại làm việc tôi bại như thầy mới nói đó.

— Thiệt có như vậy chớ. Tôi về tôi gặp rõ ràng. Nó cũng chịu có đem trai vô đây nói chuyện, mà thầy còn chữa lỗi cho nó nổi gì.

— Thầy gặp ở đâu?

— Tôi về tôi gặp thẳng đó ở trong nhà đi ra mới tới cửa ngõ.

— Gặp như vậy mà sao thầy quả quyết con Mậu lấy người ta?

— Ôi! Nếu tôi gặp như vậy tôi dứt dần hết rồi, còn đâu mà nói nữa. Một lần bắt được mười lần không. Vì tôi về trễ một chút, nên tôi gặp thẳng đó ngoài cửa ngõ mà bắt được như vậy cũng đủ bằng chứng rồi, hỡi vì lúc chúng



nó ở trong nhà chúng nó làm việc gì, tôi không có ở đó, làm sao tôi thấy được. Tôi chịu tổn tiền tổn bạc, ít nữa cũng phải ở trung tá với tôi, chứ có lẽ nào tôi nuôi cho nó ăn từ hết thấy rồi trở lòng phản tôi như vậy. Đi đâu thì đi cho khuất mắt, tôi không cần.

— Xin thầy đừng có nóng giận. Để chúng tôi đi hỏi lại cho rõ ràng. Không phải tôi binh con. Nếu thiệt nó hư, thầy đập chết nó, tôi còn nuôi thầy phần thầy nó từ đoạn nữa, tôi không cần đâu. Vì việc này còn mờ ở lắm.

mà thầy tính dứt nghĩa vợ chồng. Để chúng tôi hỏi lại coi. Mà thầy gặp ai ngoài cửa ngõ rồi thầy nghĩ đó vậy?

— Tôi có biết đâu. Tôi hỏi nó thì nó nói thẳng đó tên Cang, ở đâu trên xóm trên đây.

— Cang nào kia?

— Nó nói con của cô ba Minh nào đó, tôi có biết đâu.

— À! thẳng Cang là con của ba Minh! Ương là si xa lạ, chứ tưởng đó với nó là anh em bà con thuở nay mà. Không có gì đâu. Xin thầy đừng có nghi. Thằng Cang đi học dưới Saigon, lâu lâu nó về thì nó ghé thăm một lát. Tôi chắc không có gì đâu.

Thầy Thêm dọi nón, rồi bước lại bàn viết mà lấy cái cặp da.

Thầy Cãi thấy vậy thì hỏi:

— Thầy còn đi đâu nữa hay sao?

— Tôi phải đi Biên Hòa đăng phát tiền cho cu-li làm công.

— Thôi, thầy đi đi, để tôi ở nhà tôi cất nghĩa cho con nhỏ nó nghe. Chuyện bậy bạ, không có gì là quan hệ, mà rầy rà với nhau nghĩ thiệt kỳ quá.

Nghe xe hơi ra khỏi cửa ngõ rồi thầy Cãi mới bước lại cửa buồng đứng mà đòm. Thấy thấy có Mậu đương xếp áo xếp quần mà bỏ vô hoa li, thì thầy chồm chồm cười và nói: « Con làm giống gì đó? Ra đây cho thầy hiền một chút. »

Cô Mậu cứ đứng xếp đồ mà cô đáp:

— Xin thầy để cho con xếp đồ xong có đi cho mau.

Còn áo quần đồ đạc của thầy, xin thầy cũng soạn bỏ riêng ra đi để con lấy rương con đựng.

— Đừng có nói bậy. Không có đi đâu hết mà soạn đồ.

— Xấu hổ lắm, không còn mặt mũi nào mà ở đây nữa, thầy ơi!

— E! Giống gì mà xấu hổ.  
— Con không thể ở một giây phút nào trong nhà này nữa được. Nếu thầy không chịu đi thì con đi một mình con. Con đã quyết định rồi.

— Không nên làm liều như vậy, con. Nếu con không chịu ở thì thầy cũng phải đi với con chứ con đi mà thầy ở sao được.

— Vậy thì thầy sửa soạn đi đi.  
— Nếu phải đi, thì cũng thủng thủng rồi đi chứ. Con ra ngoài cho thầy nói chuyện một chút. Con bước ra đây, con.

Cô Mậu thủng thủng đi ra.

Thầy Cãi ngồi rồi hỏi con:

— Tại sao ở nhà gây sự rầy rà như vậy, đâu con thuật lại cho thầy nghe thử coi.

— Chuyện không có gì hết. Tại mình chửi lòn thầy quá, nên thầy làm phách, rồi đặt điều mà sỉ nhục mình chơi. Thiệt tiểu nhưn hết sức. Thấy cứ kể ơn, nói nhờ có thầy cha con mình mới no ấm. Thấy đuổi con rồi nói đuổi tôi thầy nữa. Xấu hổ quá, còn ở làm gì.

— Mà ban đầu con làm sao, nên thầy giận mới sanh rầy đó chứ?

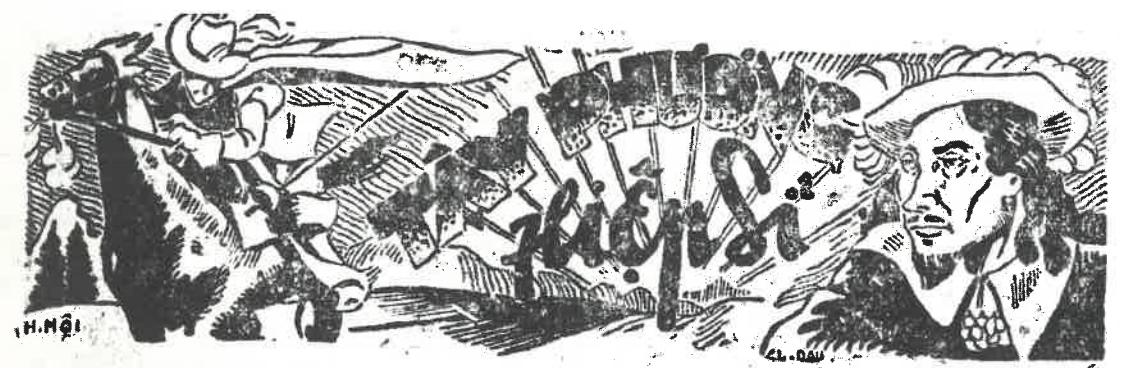
— Hồi sớm mai, con thấy anh Cang ngang. Con mời anh vô nhà đăng chúc mừng sự ảnh mới đậu Tú-tài. Anh em ngồi tại phòng khách đây mà nói chuyện chơi một lát, trở trong nhà đều ngỡ thấy. Chừng anh Cang về, ảnh tới cửa ngõ thì gặp xe hơi về.

» (Còn nữa)

SÁCH CỦA NHÀ XUẤT-BẢN  
**DAI-VIET**

- 1) *Cư Kinh* (tiểu thuyết) của Hồ-biêu Chánh
- 2) *Pétain Cách - Ngôn*. Á-Đông Triết-Lý Hiệp Giải của Đặng-thúc-Liêng và Hồ-văn-Trung
- 3) *Tiểu Phù-Viên*, Hán-Văn. Thi Văn toàn tập (thi văn bằng chữ Hán) của Đặng-thúc-Liêng tiên sanh
- 4) *Nền Luận-Lý Việt-Nam* của Lê-chí-Tiệp (còn rất ít)
- 5) Những lỗi thường lầm trong sự học Quốc-văn của Đông-Hồ và Trúc-Hà (còn rất ít)

—Sắp xuất bản—  
**LUẬN-LÝ ĐẠO NHO** của Trúc Hà  
Nhà xuất bản **DAI-VIET**  
5 rue de Reims 5 — SAIGON



Nhà vua lại cười nữa, nói:  
— Trước khi tâu hạ về Pháp hãy trở lại chợ trà nói vài lời... Bà tước cũng vậy, trăm muốn giấp mặt Bà-tước một lần nữa đăng trăm nhờ Bà tước đem một tin rất quan hệ.  
Nhà vua bắt tay Monck rồi bắt tay luôn nhà hiệp sĩ.

**KIỆM-HIỆP TIỂU-THUYẾT**  
do Thân-Văn  
**NGUYỄN-VĂN-QUI**  
dịch truyện: *Le Vicomte de Brag'onne*  
của Alexandre Dumas

(Tiếp theo)

D'Artagnan vùng nhờ lại người anh rất đặc sắc về khoa máy móc, liền nhứt định rằng mai phải đi tìm một người thợ máy, hỏi mua một cái tủ sắt.

Thời may cách không xa có tên Will Jobson chuyên môn

làm ống khóa, nghe D'Artagnan tỏ hết ý kiến của mình, bèn hứa sẽ làm một cái khóa rất chắc, hề khóa rồi thì không còn lo sợ chi nữa hết:

— Tôi sẽ làm cho ngài một cái khóa kiểu tối tân. Kể trộm vừa mở, thì phía trong có một miếng thép sập xuống, tức thì có một cái lòng súng nhỏ chĩa ra, bắn một viên đạn đồng vào mặt kẻ trộm, làm cho nó ngã ngay bất tỉnh. Cái máy ấy cứ động rất êm, không nghe tiếng chi hết. Thưa ngài nghĩ có được chăng?

— Cái máy ấy thật là khoa học, nhứt là viên đạn đồng nó làm cho tôi đẹp ý lắm. Nhưng mà giá cả thế nào, nói cho tôi nghe thử? Bao giờ mới làm rồi?

— Ngài cho tôi mười lăm ngày đăng tôi có đủ thì giờ làm cho kỹ, cho chắc. Còn về giá cả, xin ngài trả cho mười lăm ngàn đồng lưu.

D'Artagnan nghe nói chầu máy. Cái thời hạn mười lăm ngày ấy đủ cho kẻ trộm ở kinh đô Londres kuan hết mấy bao vàng. Và lại cái giá mười lăm ngàn (lưu ra mất quá, thời thì chịu cực canh giữ đã chắc lại khỏi tổn. D'Artagnan lên nói:

— Cảm ơn anh, để cho tôi suy nghĩ lại.

D'Artagnan hồi hả trở về, sợ trong khi đi vắng kẻ gian đến viếng phòng của ngài.

Atos lại thăm bạn, thấy sắc mặt cô về áu-lo thì lấy làm lạ, nói:

— Là không? Anh tước ao cho được giàu, ngày nay anh đã được y như nguyện, sao anh không vui?

**XXXIV**

**D'**ARTAGNAN không để cho mất thì giờ nữa gấp dịp tốt bèn tới trình diện cùng Thủ-lý của nhà vua, đưa cái phiếu lãnh ba trăm ngàn đồng vàng mới tinh hảo, có khắc hình vua Charles đệ nhị.

Trong muôn việc, bao giờ D'Artagnan cũng là nên lòng mình được. Đến như ngày nay, roag dịp này, nhà hiệp sĩ không khỏi lộ vẻ vui mừng, bởi cái lễ rất dễ hiểu, mà độc giả chắc hẳn rộng lòng tha thứ cho người, là người anh ở nhà hàn vi, từ nhỏ cho đến lớn chưa có lần nào trên tay cầm được một số tiền to tát như vậy.

Quan kho-bạc lấy mấy phong tiền vàng hồ hồ bao, cột lại chắc chắn rồi giao cho D'Artagnan. D'Artagnan bèn mượn một cỗ xe nhỏ, bồng bồng về chỗ ngụ, trong lòng vừa hân hoan vừa ưu lự. Một người tinh cờ được ba trăm ngàn đồng, trong trí không khỏi xôn xao nghĩ.

Ngày ấy D'Artagnan rút ở trong phòng, không có com chiều, không tiếp khách. Tối lại, ngài ong đèn, để khẩu súng sau trên bàn, thưng ở mấy bao vàng sợ bị trộm. Ngài suy tính ai cất mấy bao vàng ấy vào thùng rồi dùng g khóa thật chắc khóa lại mà phải lựa thứ g khóa không ai bẽ nổi và chia thường ông thế mở được.



— Anh không hiểu, ở đời thường hay có cái chuyện éo-le là, từ bé chí lớn những cái sự vui nào mình chưa có mà ngày nay bỗng có thì nó càng làm cho mình cực lòng hơn là những sự buồn mà mình đã chốc chán rồi. Như tôi đây, đang nghèo bỗng giàu, thành ra lo nghĩ cực lòng quá ! Bây giờ, tôi xin hỏi ý kiến anh, vì anh là người xưa nay đã từng có của : vậy chớ khi mình có tiền, mình dùng làm gì ?

— Cái đó là tùy theo chớ !

— Như anh đây, anh dùng tiền cách nào mà khỏi mang tiếng hà tiện, lại cũng không ra người xa-xỉ ? Hai tật ấy là hai tật xấu, hà tiện nó làm cho tâm phải khô khan, còn xa-xỉ lại hại tâm phải ngập.

— Anh nói rất nhầm. Tôi xin thú thật rằng tiền bạc không bao giờ làm cho tôi bận lòng. Tôi không cần cho vay đặt nợ, tôi cất một tòa nhà coi cho được như tòa nhà của tôi bây giờ đó, dùng làm cửa là đủ rồi. Tôi có nhiều thì xài nhiều, có ít thì xài ít, không lo giàu, không sợ túng.

— Anh khác, tôi khác, sánh với nhau không được. Anh là con nhà thế phiệt trăm anh, phải giao thiệp, phải tiếp khách, xài mười lăm, mười sáu ngàn trong tức khắc, có kẻ vào đầu, tôi không theo kịp.

— Hồi trước anh không theo kịp tôi thì đã đành, chớ còn ngày nay anh nghiêm nhiên đã trở nên một nhà đại phú, tiền bạc sẽ đủ cho anh xài xài.

— Ba trăm ngàn nhiều quá, một trăm ngàn đủ dùng.

— Xin lỗi anh, không nhiều quá đâu, vì tôi nghe nói dường như trong công việc này có một người hùn vốn với anh, phải chăng ?

— Phải rồi, nếu anh không nhắc thì tôi quên phứt thằng Planchet rồi. Tôi phải chia cho nó một trăm ngàn... Ưổng quá, mà thôi, trót đã hứa thì phải giữ lời, nhưng không sao, Planchet là một đứa hão tâm, tôi sẽ tính với nó. Anh nghĩ coi, tôi đã chịu cực khổ, tốn công, tốn của, thì phải có sự đền bù mới được.

— Tôi thừa biết lòng anh cho nên tôi không có lo sợ cho Planchet chút nào hết. Quyền lợi của nó giao về tay anh còn chắc hơn là ở trong tay nó. Nhưng thôi, việc ấy còn dài, sau rồi sẽ liệu. Ngay lúc bây giờ, anh ở đây không làm chi, vậy chúng ta hãy cùng trở về Pháp. Vậy anh đến yết kiến bệ hạ, cảm ơn

ngài, đãi linh ngài, rồi anh em ta xuống thuyền thì trong sau ngày nữa, anh em ta sẽ gặp để kinh thành Paris.

— Tôi xin nghe lời anh, vì tôi cũng gấp vì lắm. Anh cho tôi mượn lão Grimaud được chăng ? Tôi sẽ nhờ lão giữ giùm mấy bao vàng cho tôi.

— Được.

— Vậy thì tôi đi yết kiến nhà vua liền bây giờ. Xin kiểu anh.

D'Artagnan từ giã bạn và tới đền Saint-James thì nhâm lúc vua Charles đang viết thư thành-thủ phải đợi gần một giờ đồng hồ.

Nhà hiệp sĩ đi qua đi lại trong phòng, thì lính trông thấy có bóng người mặc áo choàng giống hình Athos đi ngang qua phía trong D'Artagnan vừa tấp bước tới xem coi có gì vậy chăng, thì nội giám đã mời người vào hầu nhà vua.

D'Artagnan vừa có mấy lời cảm ơn rồi nhà vua thì nhà vua xoa tay nói :

— Việc có đáng chi mà túc hạ phải cảm ơn Chuyền Đại-tướng năm hôm, đáng lẽ trăm trả hằng bốn mới vừa.

Nhà vua cười dòn dả rồi tiếp nói :

— Tiện đây trăm hỏi cho biết. Monck thứ lỗi cho túc hạ chăng ?

— Tàu bệ hạ, có lẽ ngài không chấp.

— Túc hạ nói như vậy, chớ trăm thì chắc Monck quên cái sự chơi cắt cổ kia đi.

— Tàu bệ hạ...

— Trăm biết tuy Monck đãi túc hạ như song va đã sẵn có tánh tự tôn tự đại thì nào cũng để ý hơn túc hạ. Vậy để trăm hóa cho.

D'Artagnan chau mày, nói :

— Tàu bệ hạ, nếu bệ hạ đứng ra giải thì ngoại-thần chắc không toàn thần, vì công sẽ bảo người ám sát ngoại-thần. Xin hạ đề cho ngoại-thần tự lo lấy thì ngoại rất mang ơn bệ hạ. Nếu như bệ hạ không dùng đến ngoại-thần nữa ..

(Còn nữa)

Savon VIET-NAM  
Tốt nhất

## TRUY-NIỆM DANH NHƠN

(Tiếp theo trang 7)

ra ta sẽ kỷ niệm năm chục năm, một trăm năm v.v. bất luận ngày sanh hay ngày tử, riêng cho một nháp vật nào.

Vừa rồi chúng ta đã làm lễ kỷ niệm cụ ĐĐ Chiêu. Tính năm sanh thì 121 năm, năm tử thì 55 năm. Trước kia người ta ngâm Lục-Vân-Tiên, người ta in Lục-Vân-Tiên bán ra thu lợi, mà người ta có cần biết tác-giả Lục-Vân-Tiên là ai ?

Thậm chí gần đây có người nổi danh là trí thức, xuất bản một quyển Lục Vân Tiên đây những chỗ sai sót và về tiêu sử của tác giả cũng còn mờ mờ như ông già mù đơn đọc huyền nói thơ Lục Vân Tiên ở ga xe lửa ! Sau cuộc lễ kỷ niệm rồi, tổ chức rất công phu, có lễ ít nhiều sự « dốt » kia được giảm bớt. Ngoài ra, điều cần nhất là đây, tấm gương trung nghĩa của Nguyễn đình Chiêu được nung cao một phen nữa để soi khắp mọi nơi cho người trong nước cùng chiêm ngưỡng rồi suy nghĩ.

Hôm nay, mừng năm tháng bảy, là ngày giỗ cụ Phan Thanh Giản.

Chúng ta có phận sự ghi ngày đáng nhớ ấy là ngày mà cả trời Nam âm đạm, vì khóc người trung liệt, coi nước trọng hơn thân.

KHUÔNG-VIỆT

### Di sứ PHÁP QUỐC

Chút nghĩa vương mang phải gông đi,  
Tang hồng danh rỡ chí nam nhi.  
Thuyền ngô phôi phôi giăng hồn bạc,  
Khởi đá phăng phăng lướt tích ti.  
La-Hán giăng tay chào khách đến,  
Tướng quân ghé mặt hẹn ngày về.  
Phen này miền dặng hóa hai nước,  
Nỗi từ xin đứng bạn bậu chi.

PHAN THANH GIẢN  
PHỤNG HỌA

Múa gương quảng chén cất mình đi,  
Bịn rịn đầu máng thoi nữ-nhi.  
Mây khói một màu thuyền thoát thoát,  
Biển trời muôn dặm núi ti ti.  
Phương xa xe ngựa lữa khi đến,  
Nước cũ non sông ngóng lúc về.  
Lên cổ cung đầu là chí trẻ,  
Danh mà chi đó, lợi mà chi.

TÔN-THỌ-TƯỜNG

## NHƠN NGÀY GIỜ CỤ PHAN

(Tiếp theo trang 16)

(temps déterminé). Ở đây cụ Phan muốn nhắc lại cái phứt xa nhà, dùng chữ khi đúng hơn. Đó là sự khác nhau rất nhỏ (tiểu dị) giữa hai chữ con và khi người Pháp gọi là nuance de sens) khó thể nhận được. Co dùng thường mới thấy rõ sự phân biệt ấy.

Nên để ý đến chỗ này : chữ khi đọc nghe như gắng giọng, chữ con đọc nghe như bay nhẹ lên. Dùng chữ khi có cái kết quả làm người đọc chú ý đến, bởi cái hơi nâng vọt hèn cạnh cái âm bình (lâm). Đó là nghệ thuật chọn chữ rất cần yếu đối với âm điệu câu thơ và ảnh hưởng do câu thơ gây nên đối với người đọc.

Viết bài này, tôi không có ý gì sửa chữa thơ văn của tiền bối. Nhơn đọc Tri Tân số 97 thấy ông Lê thọ Xuân có chép bài thơ « ký nội » trên đây, có mấy chữ *linh, kể, bần, dạn nhũ*, khi khác với những bài tôi thường đọc thấy ở vài quyển thi hiệp tuyển, nên có bài này gọi là góp chút ít ý kiến riêng để thử đưa bài « ký nội » gắn lại với nguyên tác và gạt bỏ một vài lỗi do sự tam sao thất bản gây nên. Mong rằng những bậc cao minh hiểu giùm cái dụng ý của kẻ viết bài này mà tha thứ cho những điều mạo muội.

TRỤY-THÂN  
(Tây đô Văn đoàn)

### Sứ bộ Phan - thanh - Giản

(Tiếp theo trang 10)

Trước khi từ giã nước Pháp để sang yết kiến vua Y-pha-Nho (vì có lời mời của sứ thần nước ấy tại Paris) và để thẳng đường về tổ quốc, sứ bộ ta được Pháp-hoàng tặng một bộ đồ kiêu do ông Aubaret trao lại.

Ông Aubaret nói : « Đây là những vật của hãng làm đồ kiêu nước Pháp ; Hoàng đế phải tôi trao lại ngài Phan Thanh-Giản để làm kỷ-niệm ».

Tóm lại, kết quả về phần ngoại giao của sứ bộ Phan Thanh-Giản năm 1863 có thể gọi là rõ ràng. Nhưng về sau, cơ trời đầu biển lam cho cuộc du thuyết của cụ Phan tướng đã đắc thành, lại hoa ra ảo vọng !

Muốn cứu dân khỏi cơn nước lửa, cụ phải dâng thành rồi uống thuốc độc mà tự tử, đem mảnh thân tàn trả lại nước non để lưn cho hậu thế một gương chánh khí, một tấm trung cương mà ngàn thu hương thơm không dứt.

TRƯỜNG-SƠN-CHÍ (Tân-an-thôn)